

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2024/DS-ST  
Ngày: 13-5-2024  
V/v tranh chấp hui.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Huệ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Việt Thắng

Ông Văn Công Trọn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Cẩm Hương. Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa:**  
Bà Võ Hồng Luyến – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 426/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Việt B, sinh năm 1969 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp D, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu C (Hoàng E) và bà Nguyễn Phương T (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 3 năm 2023 của nguyên đơn, cũng như lời trình bày tại phiên tòa thể hiện:

*Bà T, ông C tham gia hui do bà B làm chủ, cụ thể như sau:*

- Dây hui ngày 10/02/2017al, loại hui 6.000.000 đồng, 06 tháng khui 01 lần, gồm 14 phần, bà T, ông C tham gia 01 phần. Sau khi hót bà T còn nợ lại 04 lần hui số tiền là 24.000.000 đồng.

- Dây hui ngày 25/4/2018al, loại hui 5.000.000 đồng, 03 tháng khui 01 lần, gồm 22 phần, bà T, ông C tham gia 01 phần. Sau khi hót bà T còn nợ lại 8 lần hui số tiền là 40.000.000 đồng.

- Dây hụi ngày 09/02/2020al, loại hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, gồm 34 phần, bà T, ông C tham gia 01 phần. Sau khi hốt bà T còn nợ lại 15 lần hụi số tiền là 30.000.000 đồng.

- Dây hụi ngày 15/4/2020al, loại hụi 5.000.000 đồng, 03 tháng khui 01 lần, gồm 15 phần, bà T, ông C tham gia 01 phần. Sau khi hốt bà T còn nợ lại 9 lần hụi số tiền là 45.000.000 đồng.

- Dây hụi ngày 20/7/2020al, loại hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, gồm 28 phần, bà T, ông C tham gia 02 phần. Sau khi hốt bà T còn nợ lại 15 lần hụi số tiền là 60.000.000 đồng.

- Dây hụi ngày 01/01/2021al (Dây A), loại hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, gồm 20 phần, bà T, ông C tham gia 01 phần. Sau khi hốt bà T còn nợ lại 14 lần hụi số tiền là 28.000.000 đồng.

- Dây hụi ngày 01/01/2021al (Dây B), loại hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, gồm 21 phần, bà T, ông C tham gia 01 phần. Sau khi hốt bà T còn nợ lại 15 lần hụi số tiền là 30.000.000 đồng.

*Ngoài ra, bà B có tham gia hụi do bà T, ông C làm chủ, cụ thể:*

- Dây hụi ngày 15/7/2015al (Dây 1), loại hụi 6.000.000 đồng, 06 tháng khui 01 lần, gồm 15 phần, bà B tham gia 01 phần, bà B góp hụi được 13 lần thì bà T, ông C đình hụi, bà T, ông C còn nợ lại số tiền 78.000.000 đồng.

- Dây hụi ngày 15/7/2015al (Dây 2), loại hụi 6.000.000 đồng, 06 tháng khui 01 lần, gồm 15 phần, bà B tham gia 01 phần, bà B góp hụi được 13 lần thì bà T, ông C đình hụi, bà T, ông C còn nợ lại số tiền 78.000.000 đồng.

- Dây hụi ngày 29/4/2020al, loại hụi 6.000.000 đồng, 03 tháng khui 01 lần, gồm 15 phần, bà B tham gia 01 phần, bà B góp hụi được 5 lần thì bà T, ông C đình hụi, bà T, ông C còn nợ lại số tiền 30.000.000 đồng.

- Dây hụi ngày 12/10/2020al, loại hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, gồm 34 phần, bà B tham gia 01 phần, bà B góp hụi được 9 lần thì bà T, ông C đình hụi, bà T, ông C còn nợ lại số tiền 18.000.000 đồng.

Ngoài ra, trong dây hụi ngày 12/10/2020al bà B có mua lại 05 phần hụi từ các hụi viên khác tổng số tiền  $68.000.000 \text{ đồng} \times 5 = 340.000.000 \text{ đồng}$ .

Tại phiên toà, bà B rút một phần yêu cầu khởi kiện, dây hụi ngày 12/10/2020al, rút yêu cầu đối với 05 phần hụi mua lại của người khác tổng số tiền  $68.000.000 \text{ đồng} \times 5 \text{ phần} = 340.000.000 \text{ đồng}$ ; Dây hụi ngày 20/7/2020al, bà B xác định chỉ tham gia 01 phần hụi nên rút lại yêu cầu số tiền 30.000.000 đồng. Bà B yêu cầu ông C, bà T trả số tiền 431.000.000 đồng.

Đối với ông Nguyễn Hữu C, bà Nguyễn Phương T mặc dù đã được Tòa án tổng

đạt thông báo, triệu tập đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định nhưng ông Nguyễn Hữu C, bà Nguyễn Phương T vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật; Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền 431.000.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc bị đơn phải thanh toán số tiền hui 370.000.000 đồng. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Lê Việt B với ông Nguyễn Hữu C, bà Nguyễn Phương T là tranh chấp hui. Nơi cư trú của bị đơn và nơi thực hiện hợp đồng đều tại huyện T nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc vắng mặt của ông Nguyễn Hữu C, bà Nguyễn Phương T, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng bà ông Nguyễn Hữu C, bà Nguyễn Phương T có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hữu C, bà Nguyễn Phương T theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp: Theo nguyên đơn, Bà T, ông C tham gia hui do bà B làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hui ngày 10/02/2017al, loại hui 6.000.000 đồng, 06 tháng khui 01 lần, gồm 14 phần, bà T, ông C tham gia 01 phần. Sau khi hót bà T còn nợ lại 04 lần hui số tiền là 24.000.000 đồng.

- Dây hui ngày 25/4/2018al, loại hui 5.000.000 đồng, 03 tháng khui 01 lần, gồm 22 phần, bà T, ông C tham gia 01 phần. Sau khi hót bà T còn nợ lại 8 lần hui số tiền là 40.000.000 đồng.

- Dây hui ngày 09/02/2020al, loại hui 2.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, gồm 34 phần, bà T, ông C tham gia 01 phần. Sau khi hót bà T còn nợ lại 15 lần hui

số tiền là 30.000.000 đồng.

- Dây hụi ngày 15/4/2020al, loại hụi 5.000.000 đồng, 03 tháng khui 01 lần, gồm 15 phần, bà T, ông C tham gia 01 phần. Sau khi hốt bà T còn nợ lại 9 lần hụi số tiền là 45.000.000 đồng.

- Dây hụi ngày 20/7/2020al, loại hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, gồm 28 phần, bà T, ông C tham gia 02 phần. Sau khi hốt bà T còn nợ lại 15 lần hụi số tiền là 60.000.000 đồng.

- Dây hụi ngày 01/01/2021al (Dây A), loại hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, gồm 20 phần, bà T, ông C tham gia 01 phần. Sau khi hốt bà T còn nợ lại 14 lần hụi số tiền là 28.000.000 đồng.

- Dây hụi ngày 01/01/2021al (Dây B), loại hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, gồm 21 phần, bà T, ông C tham gia 01 phần. Sau khi hốt bà T còn nợ lại 15 lần hụi số tiền là 30.000.000 đồng.

*Ngoài ra, bà B có tham gia hụi do bà T, ông C làm chủ, cụ thể:*

- Dây hụi ngày 15/7/2015al (Dây 1), loại hụi 6.000.000 đồng, 06 tháng khui 01 lần, gồm 15 phần, bà B tham gia 01 phần, bà B góp hụi được 13 lần thì bà T, ông C đình hụi, bà T, ông Công nợ lại số tiền 78.000.000 đồng.

- Dây hụi ngày 15/7/2015al (Dây 2), loại hụi 6.000.000 đồng, 06 tháng khui 01 lần, gồm 15 phần, bà B tham gia 01 phần, bà B góp hụi được 13 lần thì bà T, ông C đình hụi, bà T, ông Công nợ lại số tiền 78.000.000 đồng.

- Dây hụi ngày 29/4/2020al, loại hụi 6.000.000 đồng, 03 tháng khui 01 lần, gồm 15 phần, bà B tham gia 01 phần, bà B góp hụi được 5 lần thì bà T, ông C đình hụi, bà T, ông Công nợ lại số tiền 30.000.000 đồng.

- Dây hụi ngày 12/10/2020al, loại hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, gồm 34 phần, bà B tham gia 01 phần, bà B góp hụi được 9 lần thì bà T, ông C đình hụi, bà T, ông Công nợ lại số tiền 18.000.000 đồng.

Ngoài ra, trong dây hụi ngày 12/10/2020al bà B có mua lại 05 phần hụi từ các hụi viên khác tổng số tiền 68.000.000 đồng x 5 = 340.000.000 đồng.

Tại phiên toà, bà B rút một phần yêu cầu khởi kiện, dây hụi ngày 12/10/2020al, rút yêu cầu đối với 05 phần hụi mua lại của người khác tổng số tiền 68.000.000 đồng x 5 phần = 340.000.000 đồng; Dây hụi ngày 20/7/2020al, bà B xác định chỉ tham gia 01 phần hụi nên rút lại yêu cầu số tiền 30.000.000 đồng. Bà B yêu cầu ông C, bà T trả số tiền 431.000.000 đồng.

Về phía bị đơn, Toà án đã thông báo, triệu tập theo quy định của pháp luật để bị đơn biết được yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, bà T, ông C đều vắng mặt, cũng không có ý kiến phản hồi, không có ý kiến gì khác đối với yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, nguyên đơn cũng có cung cấp danh sách hội, theo dõi việc giao tiền hội, lời khai của những hội viên cùng tham gia. Từ đó, có căn cứ xác định giao dịch giữa các bên được thực hiện như lời trình bày của nguyên đơn là có thật.

Ông Nguyễn Hữu C, bà Nguyễn Phương T không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo giao dịch hội đã thoả thuận nên bà B yêu cầu ông Nguyễn Hữu C, bà Nguyễn Phương T thanh toán cho bà B số tiền hội còn thiếu là phù hợp.

Tại phiên toà, bà B rút một phần yêu cầu khởi kiện, đây hội ngày 12/10/2020a1, rút yêu cầu đối với 05 phần hội mua lại của người khác số tiền 340.000.000 đồng và đây hội ngày 20/7/2020a1, số tiền 30.000.000 đồng. Do đó, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, với yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền 370.000.000 đồng.

Như vậy, ông C, bà T có trách nhiệm thanh toán cho bà B tổng số tiền 431.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Ông C, bà T có nghĩa vụ thực hiện việc thanh toán cho bà B nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bà B không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biên, phường;
- Căn cứ Điều 147, 217, 218, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Việt B. Buộc ông Nguyễn Hữu C, bà Nguyễn Phương T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Việt B số tiền 431.000.000 (Bốn trăm ba mươi một triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong khoản tiền phải thanh toán thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 370.000.000 (Ba trăm bảy mươi triệu) đồng (đây hội ngày 12/10/2020a1, rút yêu cầu đối với 05 phần hội mua tổng số tiền 340.000.000 đồng; Đây hội ngày

20/7/2020a1, bà B xác định chỉ tham gia 01 phần hui nên rút lại yêu cầu số tiền 30.000.000 đồng).

2. Về án phí: Ông Nguyễn Hữu C, bà Nguyễn Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.240.000 đồng (Hai mươi một triệu hai trăm bốn chục ngàn đồng), chưa nộp. Bà Lê Việt B không phải chịu án phí, bà Lê Việt B có nộp tạm ứng án phí sơ thẩm số tiền 18.015.000 đồng (Mười tám triệu không trăm mười lăm ngàn đồng) tại biên lai số 0006459 ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, được trả lại.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, có mặt tính kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CC.THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Bùi Thị Huệ**